

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
CHI NHÁNH**

Mã số chi nhánh: 0300954529

Đăng ký lần đầu, ngày 05 tháng 01 năm 2008

Đăng ký thay đổi lần thứ: 10, ngày 24 tháng 09 năm 2025

1. Tên chi nhánh:

CHI NHÁNH TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM (LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP: CÔNG TY TNHH) - VIỄN THÔNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tên chi nhánh viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên chi nhánh viết tắt: VNPT thành phố Hồ Chí Minh

2. Địa chỉ:

125 Hai Bà Trưng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại:

Số Fax:

Thư điện tử:

Website:

3. Thông tin về người đứng đầu

Họ, chữ đệm và tên: NGUYỄN VĂN HỒ

Giới tính: *Nam*

Ngày, tháng, năm sinh: *20/06/1974*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Số định danh cá nhân: *066074008990*

Địa chỉ liên lạc: *125 Hai Bà Trưng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

4. Hoạt động theo ủy quyền của doanh nghiệp

Tên doanh nghiệp: TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM (LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP: CÔNG TY TNHH)

Mã số doanh nghiệp: *0100684378*

Địa chỉ trụ sở chính: *Số 57 phố Huỳnh Thúc Kháng, Phường Láng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*



Số:



GIẤY XÁC NHẬN

Về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH: Thành phố Hồ Chí Minh
Địa chỉ trụ sở: 90G đường Trần Quốc Toản, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: 028.38.293.179 Số Fax:
Thư điện tử: Website:

Xác nhận:

TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM (LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP: CÔNG TY TNHH)

Mã số : 0100684378

Đã thông báo thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh sau:

Tên chi nhánh: CHI NHÁNH TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM (LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP: CÔNG TY TNHH) - VIỄN THÔNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Mã số chi nhánh: 0300954529

Thông tin thay đổi của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh đã được cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp như sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ cho thuê văn phòng, cho thuê cơ sở hạ tầng viễn thông (chỉ kinh doanh cho thuê đối với trụ sở và nguồn lực hiện có của doanh nghiệp, không hoạt động kinh doanh bất động sản)	6810
2	Lập trình máy vi tính Chi tiết: Lập trình máy vi tính; Nghiên cứu, phát triển, sản xuất các sản phẩm dịch vụ phần mềm: dịch vụ nội dung, giá trị gia tăng, truyền thông, phát thanh, truyền hình	6201
3	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
4	Hoạt động viễn thông có dây	6110(Chính)
5	Hoạt động viễn thông vệ tinh	6130

STT	Tên ngành	Mã ngành
6	Cổng thông tin (không bao gồm hoạt động báo chí) Chi tiết: Cổng internet, cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử tổng hợp, thiết lập mạng xã hội, nền tảng số đa dịch vụ (Khoản 2, 6 và 7 Điều 20; điểm a khoản 4 Điều 25; điểm d khoản 6 Điều 24 Nghị định 147/2024/NĐ-CP)	6312
7	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi (trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và dịch vụ điều tra)	8220
8	Hoạt động viễn thông không dây Chi tiết: Hoạt động cung cấp trực tiếp dịch vụ viễn thông không dây; Hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông không dây sử dụng quyền truy cập hạ tầng viễn thông của đơn vị khác; Kinh doanh các dịch vụ gia tăng trên mạng bưu chính viễn thông và công nghệ thông tin, các phương tiện thông tin đại chúng	6120
9	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
10	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm Chi tiết: Kinh doanh các sản phẩm dịch vụ phần mềm: Dịch vụ nội dung, giá trị gia tăng, truyền thông, phát thanh, truyền hình	4651
11	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông Chi tiết: Kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ viễn thông - công nghệ thông tin; phân phối bán buôn, bán lẻ các vật tư, trang thiết bị thuộc các lĩnh vực điện, điện tử, viễn thông, công nghệ thông tin	4652
12	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ vật tư, thiết bị viễn thông, công nghệ thông tin và truyền thông;	4741
13	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
14	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
15	Quảng cáo Chi tiết: Kinh doanh các dịch vụ quảng cáo, dịch vụ truyền thông	7310
16	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ và sản phẩm truyền thông; Kinh doanh sản phẩm và dịch vụ an toàn thông tin; Cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử; Cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng; Kinh doanh, khai thác và cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động, cố định, công nghệ thông tin và truyền thông; Kinh doanh các dịch vụ giá trị gia tăng; Đại lý dịch vụ viễn thông (Khoản 3 Điều 70 Nghị định 147/2024/NĐ-CP; Khoản 30 Điều 3 Luật Viễn thông năm 2023)	6190
17	Sản xuất thiết bị truyền thông Chi tiết: Sản xuất vật tư, thiết bị viễn thông, công nghệ thông tin và truyền thông;	2630
18	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620

2

STT	Tên ngành	Mã ngành
19	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: Hoạt động truyền thông, tư vấn, tiếp thị; Kinh doanh các dịch vụ truyền thông; tổ chức sự kiện, hội thảo, hội chợ, triển lãm, xúc tiến thương mại, marketing và các dịch vụ hỗ trợ khác	8230
20	Sửa chữa máy móc, thiết bị Chi tiết: Bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa cho thuê công trình, thiết bị viễn thông, công nghệ thông tin, truyền thông (Gạch đầu dòng thứ hai điểm a khoản 1 mục II Điều 1 Quyết định số 2129/QĐ-TTg)	3312
21	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Chi tiết: Hoạt động thương mại điện tử; Sàn giao dịch điện tử (Gạch đầu dòng thứ 2 điểm b khoản 1 mục II Điều 1 Quyết định số 620/QĐ-TTg)	4791
22	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Cung ứng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt; Cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán (dịch vụ cổng thanh toán điện tử; dịch vụ hỗ trợ thu hộ, chi hộ; dịch vụ Ví điện tử) (Gạch đầu dòng thứ nhất điểm a khoản 1 mục II Điều 1 Quyết định số 620/QĐ-TTg)	6619
23	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Thiết kế quảng cáo; Thiết lập website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử; Ứng dụng cung cấp dịch vụ thương mại điện tử (Gạch đầu dòng thứ 2 điểm b khoản 1 mục II Điều 1 Quyết định số 620/QĐ-TTg)	7410
24	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa (Gạch đầu dòng thứ 2 điểm b khoản 1 mục II Điều 1 Quyết định số 620/QĐ-TTg)	4610
25	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký (chữ ký điện tử); Cung cấp các dịch vụ số hóa và xử lý thông tin số hóa; Kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng; Các dịch vụ thông tin qua điện thoại, các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở tính phí; Các dịch vụ điểm báo (Gạch đầu dòng thứ nhất điểm a khoản 1 mục II Điều 1 Quyết định số 2129/QĐ-TTg)	6399
26	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm Chi tiết: Đại lý bảo hiểm (Gạch đầu dòng thứ 2 điểm b khoản 1 mục II Điều 1 Quyết định số 620/QĐ-TTg)	6622

Đ. C. N
ÔNG
G KÝ
ĐOÀN
PHÂN

STT	Tên ngành	Mã ngành
27	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận Chi tiết: Cung cấp thông tin thị trường (không bao gồm dịch vụ điều tra và thông tin Nhà nước cấm) (Gạch đầu dòng thứ hai điểm b khoản 1 mục II Điều 1 Quyết định số 2129/QĐ-TTg)	7320
28	Hoạt động nhiếp ảnh (Gạch đầu dòng thứ nhất điểm a khoản 1 mục II Điều 1 Quyết định số 2129/QĐ-TTg)	7420
29	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động môi giới bản quyền, mua bán bản quyền; Hoạt động môi giới thương mại, sắp xếp có mục đích và bán ở mức nhỏ và trung bình, bao gồm cả thực hành chuyên môn, không kể môi giới bất động sản (Gạch đầu dòng thứ hai điểm a khoản 1 mục II Điều 1 Quyết định số 620/QĐ-TTg)	7490
30	Xuất bản phần mềm Chi tiết: Xuất bản các phần mềm làm sẵn (không định dạng) như: chương trình trò chơi máy vi tính; hệ thống điều hành, kinh doanh và các ứng dụng khác; Xuất bản và phát hành các trò chơi điện tử trực tuyến (Gạch đầu dòng thứ tư điểm b khoản 1 mục II Điều 1 Quyết định số 620/QĐ-TTg)	5820
31	Chương trình cáp, vệ tinh và các chương trình thuê bao khác (Gạch đầu dòng thứ nhất điểm b khoản 1 mục II Điều 1 Quyết định số 620/QĐ-TTg)	6022
32	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục (Gạch dòng thứ hai điểm b khoản 1 mục II Điều 1 Quyết định số 2129/QĐ-TTg)	8560
33	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên (Gạch đầu dòng thứ 2 điểm a khoản 1 mục II Điều 1 Quyết định số 620/QĐ-TTg)	7211
34	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu trừ hoạt động đấu giá (Gạch đầu dòng thứ nhất điểm a khoản 1 mục II Điều 1 Quyết định số 2129/QĐ-TTg)	4799
35	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nhân văn (Gạch đầu dòng thứ 2 điểm a khoản 1 mục II Điều 1 Quyết định số 620/QĐ-TTg)	7222
36	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội (Gạch đầu dòng thứ 2 điểm a khoản 1 mục II Điều 1 Quyết định số 620/QĐ-TTg)	7221

STT	Tên ngành	Mã ngành
37	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp (Gạch đầu dòng thứ 2 điểm a khoản 1 mục II Điều 1 Quyết định số 620/QĐ-TTg)	7214
38	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược (Gạch đầu dòng thứ 2 điểm a khoản 1 mục II Điều 1 Quyết định số 620/QĐ-TTg)	7213
39	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ (Gạch đầu dòng thứ 2 điểm a khoản 1 mục II Điều 1 Quyết định số 620/QĐ-TTg)	7212
40	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (Gạch đầu dòng thứ nhất điểm a khoản 1 mục II Điều 1 Quyết định số 2129/QĐ-TTg)	6311
41	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Đại lý bán vé máy bay và các phương tiện vận tải khác (Gạch đầu dòng thứ 2 điểm b khoản 1 mục II Điều 1 Quyết định số 620/QĐ-TTg)	5229
42	Xây dựng công trình công ích khác Chi tiết: Xây dựng, lắp đặt, bảo dưỡng các công trình viễn thông, công nghệ thông tin và truyền thông;	4229
43	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị, vật tư, chuyên ngành điện, điện tử, viễn thông, công nghệ thông tin và truyền thông	7730
44	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung cấp nguồn nhân lực trong lĩnh vực viễn thông, công nghệ thông tin và truyền thông đa phương tiện;	7830
45	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Đào tạo, bồi dưỡng chuyên ngành viễn thông, công nghệ thông tin và truyền thông đa phương tiện;	8559
46	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Dịch vụ tư vấn, khảo sát, thiết kế, xây lắp, quản lý, vận hành, bảo trì, bảo dưỡng công trình viễn thông, công nghệ thông tin và truyền thông	7110

Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:

Handwritten signature/initials

2	Địa chỉ nhận thông báo thuế: 125 Hai Bà Trưng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam Điện thoại: Fax: Email:
3	Hình thức hạch toán: <i>Hạch toán phụ thuộc</i>
4	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày 1/1 đến ngày 31/12
5	Tổng số lao động: <i>1320</i>
6	Phương pháp tính thuế GTGT:

Nơi nhận:

-CHI NHÁNH TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH
VIỄN THÔNG VIỆT NAM (LOẠI HÌNH
DOANH NGHIỆP: CÔNG TY TNHH) -
VIỄN THÔNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ
MINH. Địa chỉ: 125 Hai Bà Trưng, Phường
Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt
Nam

-.....;

- Lưu: Nguyễn Ngọc Mỹ Tuyết.....

